TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 411/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2022.
V/v tranh chấp: "Xin ly hôn nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thanh Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thu Hồng**.

2. Ông **Trần Văn Nghiệm**.

- **Thư ký phiên tòa***:* Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà**: Ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 324/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "*Xin ly hôn, nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/12/2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Hà Thị Yến C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố V, tỉnh V.

-Bị đơn: Phan Văn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh T.

(Chị C có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hà Thị Yến Chi trình bày**:

Chị và anh Phan Văn L sống chung với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh T vào ngày 24/8/2016. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn L.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Hà Mạnh P, sinh ngày 10/10/2016.

Hiện nay con chung đang sống chung với anh Lộc, khi ly hôn chị C đồng ý giao con chung cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng (một triệu đồng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Văn L vắng mặt, anh L mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị C.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G có ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không bổ sung gì thêm. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Yến C với anh Phan Văn L. Về con chung: Giao cháu Phan Hà Mạnh P, sinh ngày 10/10/2016 cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng, cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu xin ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây theo quy định Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây đã gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định của Pháp luật. Bị đơn anh Phan Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lộc. Nguyên đơn chị Hà Thị Yến C có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị C.

[3].Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Yến C và anh Phan Văn L sống chung với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh T vào ngày 24/8/2016. Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, chị C và anh L đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến cho thấy anh L đã không có thiện chí mong muốn hàn gắn lại tình cảm với chị C. Do đó, việc chị C yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn L là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4].Về con chung: Đối với cháu Phan Hà Mạnh P, sinh ngày 10/10/2016 hiện nay đang sống chung với anh L, do anh L đang chăm sóc nuôi dưỡng nên việc chị C đồng ý giao con chung cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị C đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Phan Hà Mạnh P, sinh ngày 10/10/2016 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng/tháng) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị C khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

[7]. Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị Yến C.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hà Thị Yến C được ly hôn với anh Phan Văn L.

- Về con chung: Giao cháu Phan Hà Mạnh P, sinh ngày 10/10/2016 cho anh Phan Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung Phan Hà Mạnh P tròn 18 tuổi.

Chị Hà Thị Yến C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Phan Hà Mạnh P, sinh ngày 10/10/2016 mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng/tháng) cho đến khi con chung Phan Hà Mạnh P tròn 18 tuổi.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Hà Thị Yến C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con. Chị C đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 0006461 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên chị C còn phải nộp tiếp 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí.

- Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* *Nơi nhận:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi Cục THADS huyện G;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

Đặng Thị Thanh Trinh